

Số: 362 /QĐ-ĐHL

Thừa Thiên Huế, ngày 05 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành chương trình đào tạo đại học ngành Luật, hình thức
đào tạo vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Luật thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-ĐHL ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế về việc điều chỉnh và ban hành chương trình đào tạo theo tín chỉ đối với ngành Luật hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 345/QĐ-ĐHH ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Luật;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác sinh viên và Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo đại học ngành Luật, hình thức đào tạo vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ (có chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng từ năm học 2017 – 2018 cho các khóa tuyển sinh từ năm 2017.

Điều 3. Các ông (bà): Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đại học Huế {để b/c};
- Website Trường;
- Lưu: VT, CTSV, ĐT, ĐBCLGD.



Đoàn Đức Lương

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC (4,5 NĂM)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 365/QĐ/ĐHL ngày 05 tháng 9 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế)*

1. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Luật.
 - + Tiếng Anh: Law.
- Mã ngành đào tạo: 52380101.
- Trình độ đào tạo: Đại học vừa làm vừa học (bằng thứ nhất).
- Thời gian đào tạo: 4,5 năm.
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân Luật.
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor Law.

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Đào tạo cử nhân Luật VLVH có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, có tư duy pháp luật một cách hệ thống, có các kỹ năng nghề luật cơ bản và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp phù hợp để có thể nghiên cứu, vận dụng, thi hành pháp luật tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, có khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn.

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1. Về kiến thức và năng lực chuyên môn

- Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học lý luận chính trị để hình thành thế giới quan và phương pháp luận cho sinh viên khi tiếp cận và luận giải về các vấn đề cơ bản và hiện đại về nhà nước và pháp luật;

- Hiểu và có khả năng vận dụng các kiến thức nền tảng khoa học xã hội và nhân văn vào việc giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến chương trình đào tạo ngành Luật;

- Hiểu và có khả năng vận dụng các khối kiến thức cơ bản của nhóm ngành và cơ sở ngành vào việc nhận diện các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến nhà nước và pháp luật như: phát hiện được quy luật phát triển của hiện tượng nhà nước và pháp luật dựa trên các quy luật phát triển của xã hội; xác định được vị trí của nhà nước và pháp luật trong quá trình phát triển của xã hội; mối quan hệ giữa nhà nước và pháp luật với tổ chức, cá nhân được tiếp cận dựa trên quyền; các mô hình tổ chức bộ máy nhà nước và khả năng vận dụng vào việc xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước Việt Nam trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa;

- Thông hiểu và có khả năng vận dụng các kiến thức nền tảng của khoa học ngành Luật trong việc nhận biết và giải quyết các tình huống phát sinh trong đời sống xã hội và thực tiễn đòi hỏi của công việc trong tương lai gắn liền với một số chức danh nghề nghiệp thuộc lĩnh vực pháp luật hoặc liên quan;

- Thông hiểu và có khả năng vận dụng các kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực pháp luật để phân tích, tổng hợp và độc lập đưa ra quan điểm cá nhân về vấn đề pháp lý phát sinh; đưa ra được cách thức giải quyết tình huống phát sinh dựa trên tư duy pháp lý có tính hệ thống;

- Có khả năng vận dụng những kiến thức pháp luật vào thực tế, thực tập để bước đầu làm quen với các công việc trong tương lai, có khả năng tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; xác định được các mối quan hệ pháp lý liên quan đến các chức danh nghề nghiệp của ngành luật;

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.

3.2. Về kỹ năng

*** Kỹ năng cứng**

- Có kỹ năng xây dựng kế hoạch để hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết pháp luật và quy định pháp luật vào thực tiễn công việc trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể; có kỹ năng phát biểu và trình bày quan điểm cá nhân về một vấn đề pháp lý tương ứng với từng chức danh nghề nghiệp của ngành luật;

- Biết cách tra cứu các văn bản pháp luật, phân tích luật, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn;

- Có khả năng tư duy hệ thống, nhận thức, phân tích, đánh giá các vấn đề pháp lý nói chung; có phương pháp phân tích, đánh giá mối liên hệ giữa quy định pháp luật và tình huống pháp lý phát sinh để nhận diện vấn đề pháp lý cần giải quyết, phương pháp, cách thức giải quyết vấn đề pháp lý dựa trên nền tảng tư duy pháp lý;

- Biết tiếp cận và vận dụng các vấn đề kinh tế xã hội vào thực tiễn công việc của nghề luật; bước đầu hình thành kỹ năng phát hiện, phân tích, đánh giá phản biện, tư vấn các vấn đề pháp lý dựa trên những luận cứ khoa học, môi trường pháp luật thực định thuộc chuyên ngành đào tạo;

- Có khả năng tự nghiên cứu và lập luận, biết vận dụng các kiến thức, kỹ năng vào nhận diện và giải quyết các vấn đề pháp lý trong một số tình huống pháp lý cụ thể;

- Có khả năng tổng kết được các bài học kinh nghiệm nghề nghiệp cho bản thân từ thực tiễn trên cơ sở đối chiếu với các kiến thức đã được trang bị;

- Bước đầu hình thành khả năng cảm nhận công lý, trách nhiệm cá nhân trong thực tiễn công việc của nghề luật.

*** Kỹ năng bổ trợ**

- Có kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác làm việc nhóm, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo;

- Có kỹ năng giao tiếp, trình bày và thuyết trình;

- Có kỹ năng tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu; soạn thảo văn bản và viết báo cáo phân tích;

- Có kỹ năng đàm phán, tư vấn và làm việc với khách hàng;
- Có kỹ năng thích ứng và quản lý sự thay đổi với môi trường công việc trong nước và quốc tế luôn có sự biến động;
- Có khả năng nghe, nói, đọc, viết và giao tiếp bằng ngoại ngữ theo quy định; có kỹ năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt, sử dụng tốt, linh hoạt các thuật ngữ pháp lý trong giao tiếp và giải quyết công việc.
- Sử dụng thành thạo máy tính và một số phần mềm văn phòng thông dụng như: Word, Excel, Powerpoint... để có thể soạn thảo tài liệu; quản lý dữ liệu qua các bảng tính; trình chiếu; khai thác Internet để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử; làm được trang web đơn giản. Có khả năng tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết vấn đề thông dụng;
- Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và giao tiếp ngoại ngữ đạt trình độ theo quy định; diễn đạt tốt bằng ngôn ngữ tiếng Việt các vấn đề pháp lý; sử dụng linh hoạt ngôn ngữ tiếng Việt trong đàm phán, tạo dựng quan hệ pháp luật phù hợp với vị trí chức danh nghề nghiệp được lồng ghép trong chương trình đào tạo ngành luật.

3.3. Về phẩm chất đạo đức

** Phẩm chất đạo đức cá nhân*

- Có hành vi và lời nói chuẩn mực;
- Có ý thức vượt khó, sẵn sàng đương đầu với khó khăn, thử thách;
- Có tinh thần cầu thị trong học tập và lao động;
- Có thái độ thân thiện với bạn bè, đồng nghiệp, đối tác;
- Chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo;
- Chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe.

** Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp*

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia, có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có bản lĩnh nghề nghiệp, trung thực, khách quan;
- Đáp ứng một phần tiêu chuẩn đạo đức tương ứng với chức danh nghề nghiệp như: đạo đức luật sư, đạo đức công vụ, đạo đức thẩm phán, thư ký tòa, kiểm sát viên...;
- Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc.

** Phẩm chất đạo đức xã hội*

- Có lòng tự tôn dân tộc;
- Có ý thức về trách nhiệm công dân;
- Có ý thức tuân thủ pháp luật, tôn trọng và bảo vệ công lý;
- Có ý thức xây dựng và bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

3.4. Những vị trí công tác sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Nhóm 1: Có khả năng làm việc tại các cơ quan nhà nước, bao gồm các cơ quan bảo vệ pháp luật như: tòa án, viện kiểm sát, cơ quan thi hành án, công an... và các cơ quan nhà nước khác từ trung ương xuống địa phương; làm việc tại các cơ quan Đảng và tổ chức chính trị-xã hội.

UC
RU
AI
LI
111

- Nhóm 2: Làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý như luật sư, tư vấn viên trong các công ty, văn phòng luật, văn phòng công chứng trong và ngoài nước; chuyên viên pháp chế, tư vấn viên trong các công ty, doanh nghiệp có yêu cầu sử dụng nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty, doanh nghiệp.

- Nhóm 3: Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, hành chính-chính trị như các trường đại học, cao đẳng, trung học, trung tâm, viện nghiên cứu về các lĩnh vực liên quan.

- Nhóm 4: Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế có các hoạt động liên quan đến các vấn đề pháp luật.

3.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ lý luận và kiến thức thực tiễn trong cuộc sống;

- Cử nhân Luật có cơ hội học lên bậc học cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) tại các cơ sở đào tạo luật trong và ngoài nước.

4. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Quyết định số 2836/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2015 cho phép Trường Đại học Luật - Đại học Huế tổ chức hoạt động từ năm học 2015 - 2016.

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học.

- Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Thông tư số 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học.

- Quyết định số 209/QĐ-ĐHL ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật - Đại học Huế về việc điều chỉnh và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật, hình thức đào tạo chính quy.

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Công dân của nước CHXHCN Việt Nam có đủ điều kiện dự thi tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Đào tạo theo hình thức tích lũy tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp:

+ Thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

+ Tích lũy đủ các học phần và 120 tín chỉ theo chương trình đào tạo;

+ Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học từ 2.0 điểm trở lên.

7. THANG ĐIỂM

Áp dụng thang điểm 10 và thang điểm chữ A, B, C, D

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Tổng số tín chỉ phải tích lũy là 120 tín chỉ (TC), trong đó:

- Khối kiến thức chung (<i>lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, ngoại ngữ</i>)	37 TC
- Khối kiến thức cơ sở khối ngành, cơ sở ngành	59 TC
- Khối kiến thức nâng cao, bổ trợ	14 TC
- Thực tập, thực tế	04 TC
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế KLTN	06 TC

9. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Số TC	Số tiết giảng dạy			Học kỳ
				LT	TH	Tự học	
I	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG						
	Học phần lý luận chính trị (10 TC)		10				
1.	KTC102001	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	20	10	60	HK1
2.	KTC103002	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	35	10	90	HK2
3.	KTC102003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10	60	HK2
4.	KTC103004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35	10	90	HK3
	Học phần khoa học tự nhiên (03 TC)						
5.	KTC103005	Tin học ứng dụng	3	30	15	90	HK3
6.	Học phần ngoại ngữ (07 TC)		7				
7.	KTC102006	Anh văn căn bản 1	3	35	10	90	HK1
8.	KTC102007	Anh văn căn bản 2	2	20	10	60	HK2
9.	KTC103008	Anh văn căn bản 3	2	20	10	60	HK3
	Học phần khoa học xã hội và nhân văn		17				
10.	Học phần bắt buộc (11 TC)						
11.	LUA103006	Lịch sử Nhà nước và pháp luật	3	35	10	90	HK1
12.	LUA102007	Luật Hiến pháp tư sản	2	20	10	60	HK1
13.	LUA102008	Lý luận Nhà nước và pháp luật (phần chung)	2	20	10	60	HK1
14.	LUA102009	Lý luận Nhà nước và pháp luật (phần cụ	2	20	10	60	HK2

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Số TC	Số tiết giảng dạy			Học kỳ
				LT	TH	Tự học	
		thể)					
15.	LUA102010	Xây dựng văn bản pháp luật	2	20	10	60	HK5
	<i>Học phần tự chọn (Chọn 06 TC trong các học phần sau)</i>						
16.	LUA112011	Xã hội học pháp luật	2	20	10	60	HK1
17.	KTC112012	Lịch sử văn minh Thế giới	2	20	10	60	HK2
18.	KTC112013	Thống kê trong khoa học xã hội	2	20	10	60	HK2
19.	KTC112014	Tâm lý học đại cương	2	20	10	60	HK1
20.	LUA112015	Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp luật	2	20	10	60	HK2
21.	KTC112016	Lôgic học	2	20	10	60	HK2
22.	LUA112017	Kỹ năng nghiên cứu và lập luận	2	20	10	60	HK1
23.	KTC112018	Văn hóa Việt Nam đại cương	2	20	10	60	HK2
II	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP						
	<i>Kiến thức cơ sở khối ngành (11 TC)</i>		11				
24.	LUA102019	Luật Hiến pháp 1	2	20	10	60	HK2
25.	LUA102020	Luật Hiến pháp 2	2	20	10	60	HK4
26.	LUA102021	Luật học so sánh	2	20	10	60	HK5
27.	LUA103022	Luật Hành chính	3	35	10	90	HK3
28.	LUA102023	Luật Tổ tụng hành chính	2	20	10	60	HK4
	<i>Kiến thức cơ sở ngành (48TC)</i>		48				
29.	LUA103024	Luật Hình sự 1	3	35	10	90	HK3
30.	LUA102025	Luật Hình sự 2	2	20	10	60	HK4
31.	LUA103026	Luật Dân sự 1	3	35	10	60	HK3
32.	LUA102027	Luật Dân sự 2	2	35	10	60	HK5
33.	LUA102028	Luật Hôn nhân và gia đình	2	35	10	60	HK4
34.	LUA104029	Luật Tổ tụng hình sự	4	45	15	90	HK7
35.	LUA103030	Luật Thương mại 1	3	35	10	90	HK4
36.	LUA102031	Luật Thương mại 2	2	20	10	60	HK5
37.	LUA103032	Luật Lao động	3	35	10	90	HK5
38.	LUA102033	Luật Tài chính	2	20	10	60	HK6
39.	LUA102034	Luật Ngân hàng	2	20	10	60	HK6
40.	LUA102035	Luật Đất đai	2	20	10	60	HK5
41.	LUA102036	Luật Môi trường	2	20	10	60	HK4

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Số TC	Số tiết giảng dạy			Học kỳ
				LT	TH	Tự học	
42.	LUA103037	Luật Tổ tụng dân sự	3	30	15	90	HK6
43.	LUA102038	Công pháp quốc tế 1	2	20	10	60	HK6
44.	LUA102039	Công pháp quốc tế 2	2	20	10	60	HK7
45.	LUA103040	Tư pháp quốc tế	3	35	10	90	HK6
46.	LUA102041	Luật Thương mại quốc tế	2	20	10	60	HK7
47.	LUA102042	Tội phạm học	2	20	10	60	HK7
48.	LUA102043	Pháp luật sở hữu trí tuệ	2	20	10	60	HK7
49.	<i>Kiến thức nâng cao, bổ trợ (chọn 14 tín chỉ trong các HP sau)</i>		14				
50.	LUA102044	Pháp luật và kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực hành chính	2	20	10	60	HK8
51.	LUA102045	Pháp luật hộ tịch	2	20	10	60	HK8
52.	LUA102046	Đánh giá tác động của văn bản quy phạm pháp luật	2	20	10	60	HK8
53.	LUA102047	Lý luận định tội danh	2	20	10	60	HK8
54.	LUA102048	Khoa học điều tra hình sự	2	20	10	60	HK8
55.	LUA102049	Tâm lý học tư pháp	2	20	10	60	HK8
56.	LUA102050	Pháp luật an sinh xã hội	2	20	10	60	HK8
57.	LUA102051	Pháp luật thị trường chứng khoán	2	20	10	60	HK8
58.	LUA102052	Pháp luật cạnh tranh	2	20	10	60	HK8
59.	LUA102053	Pháp luật về thị trường bất động sản	2	20	10	60	HK8
60.	LUA102054	Pháp luật và kỹ năng giải quyết tranh chấp đất đai	2	20	10	60	HK8
61.	LUA102055	Kỹ năng đàm phán, giao kết và giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự	2	20	10	60	HK8
62.	LUA102056	Luật Kinh tế quốc tế	2	20	10	60	HK8
63.	LUA102057	Luật Đầu tư quốc tế	2	20	10	60	HK8
64.	LUA102058	Pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế	2	20	10	60	HK8
III	THỰC TẬP, KIẾN TẬP		4				
65.	LUA102090	Kỹ năng thực hành nghề nghiệp	2	18	12	60	HK7
66.	LUA102091	Thực tập tốt nghiệp (báo cáo thực tập tốt nghiệp)	2		30	60	HK9
IV	KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP		6				
67.	LKT106092	Khoá luận tốt nghiệp	6		90	180	HK9

STT	Mã Học phần	Tên Học phần	Số TC	Số tiết giảng dạy			Học kỳ
				LT	TH	Tự học	
68.		Các học phần thay thế KLTN (Lựa chọn trong các chuyên đề chưa mở lớp ở HK8) Học phần tốt nghiệp 1: 2 TC Học phần tốt nghiệp 2: 2 TC Học phần tốt nghiệp 3: 2 TC	6				HK9
		Tổng cộng	120				



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đoàn Đức Lương